| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 - HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Số: 817/2026/QĐST-HNGĐ

*Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
# TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 830/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:***

**- Chị Trần Thị Hằng N**, sinh năm: 1981;CCCD: 001181040801
Nơi thường trú: số I Phố H, phường H, Hà Nội
**- Anh Bùi Anh M**, sinh năm: 1975; CCCD: 026075000020
Nơi thường trú: số I Phố H, phường H, Hà Nội

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Trần Thị Hằng N và anh Bùi Anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận H, Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70/2004 ngày 09/12/2004. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra xung đột dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay anh, chị nhận thấy mâu thuẫn rất trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, khả năng đoàn tụ không có nên anh chị đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Trần Thị Hằng N và anh Bùi Anh M

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Chị Trần Thị Hằng N và anh Bùi Anh M cùng xác nhận có 01 con chung là Bùi Quý A, sinh ngày 11/11/2005. Cháu Bùi Quý A đã trưởng thành, trên 18 tuổi, sức khoẻ bình thường, việc cháu ở với ai là quyền của cháu, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà đất chung: Chị Trần Thị Hằng N và anh Bùi Anh M: tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết

- Về vay nợ chung: Chị Trần Thị Hằng N và anh Bùi Anh M không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

**3.** Về lệ phí: Chị Trần Thị Hằng N tự nguyện chịu cả 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng lệ phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013644 ngày 08 tháng 6 năm 2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội. Chị N đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
*- Đương sự;*
*- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;*
*- UBND phường Hai Bà Trưng, Hà Nội (GCNKH số 70; quyển số 01 ngày 09/12/2004)*
*- Lưu hồ sơ./.*

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Kim Cúc**